

## CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

(Ban hành kèm Quyết định số 345/QĐ-ĐHPT ngày 26 tháng 8 năm 2022  
của Trường Đại học Phan Thiết)

### A. Thông tin tổng quát (General information)

- Tên chương trình tiếng Việt: Thạc sĩ Luật kinh tế
- Tên chương trình tiếng Anh: Master of Economic Law
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
- Ngành đào tạo tiếng Việt: Luật kinh tế
- Ngành đào tạo tiếng Anh: Economic Law
- Mã ngành: 8380107
- Thời gian đào tạo: 1.5 năm
- Loại hình đào tạo: Chính quy, tập trung
- Số tín chỉ: 60
- Văn bằng tốt nghiệp: Thạc sĩ
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

### B. Mục tiêu đào tạo và Chuẩn đầu ra (Program Objectives and Learning Outcomes)

#### 1. Mục tiêu đào tạo (Program Objectives)

##### 1.1. Mục tiêu chung

Chương trình cao học chuyên ngành Luật kinh tế của Trường Đại học Phan Thiết được thực hiện theo định hướng ứng dụng để giúp học viên bổ sung và nâng cao kiến thức, phương pháp nghiên cứu Luật kinh tế ở mức độ chuyên sâu cho các chuyên viên pháp lý làm việc trong các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, trường - học viện, công ty luật, văn phòng luật sư, tổ chức khác,... giúp học viên biết vận dụng kiến thức đó vào hoạt động thực tiễn nghề nghiệp; có khả năng làm việc độc lập, tư duy sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc ngành, chuyên ngành được đào tạo.

##### 1.2. Mục tiêu cụ thể

###### 1.2.1. Về kiến thức:

PO1. Trang bị kiến thức chuyên sâu về luật trong lĩnh vực kinh tế, hướng đến mục tiêu người học có năng lực tư duy pháp lý sâu, phát triển các quan điểm, luận thuyết khoa học, bước đầu hình thành ý tưởng khoa học, khám phá và thử nghiệm kiến thức, có khả năng phản biện - nhận thức đa chiều để tự tìm ra giải pháp ứng phó trước các vấn đề kinh tế - xã hội trên quan điểm công bằng, tôn trọng pháp luật.

PO2. Ngoài ra, chương trình còn được thiết kế trên cơ sở ứng dụng luật để giải quyết vấn đề thực tiễn về đầu tư, kinh doanh tại doanh nghiệp, trong môi trường cạnh tranh và hội nhập mang tính quốc tế.

PO3. Có sự hiểu biết về vai trò của pháp luật và luật kinh tế trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong thời đại số.

PO4. Có kiến thức chuyên sâu về phương pháp thiết kế nội dung và kiến thức công nghệ thông tin để hỗ trợ các chiến lược của doanh nghiệp thông qua nhiều nền tảng kỹ thuật số.

### **1.2.2. Về kỹ năng**

PO5. Kỹ năng chuyên môn: Người học biết, nắm vững và vận dụng thành thạo các kỹ năng cơ bản trong hoạt động xây dựng pháp luật, áp dụng pháp luật, xét xử, tư vấn pháp luật và hỗ trợ pháp lý cho cộng đồng; có phương pháp và kỹ năng phân tích, tranh luận, trình bày các ý kiến, lập luận pháp lý trong môi trường hành nghề pháp luật.

PO6. Kỹ năng giao tiếp, làm việc theo nhóm: Người học biết cách tương tác, phối hợp trong làm việc nhóm hoặc có khả năng làm việc độc lập khi thực hiện các hoạt động chuyên môn nghề nghiệp.

### **1.2.3. Về thái độ**

PO7. Nhận thức được vai trò quan trọng của pháp luật trong đời sống xã hội, “Sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật” trong việc góp phần xây dựng và bảo vệ pháp luật; Có ý thức tổ chức kỷ luật và thực hiện đúng nội quy của tổ chức, kỷ luật lao động; có khả năng làm việc độc lập, có khả năng tự tạo việc làm phù hợp với chuẩn mực xã hội.

PO8. Chuyên nghiệp và chủ động, tự tin trong công việc, dám chịu trách nhiệm và tự tin giải quyết công việc, mạnh dạn bày tỏ quan điểm và biết lắng nghe; Có tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học, trách nhiệm với công việc được giao và có tinh thần cầu tiến, hợp tác, thân thiện với các đồng nghiệp và cá nhân khác trong công việc.

### **1.2.4. Về vị trí làm việc sau tốt nghiệp**

Người tốt nghiệp thạc sĩ các chuyên ngành đào tạo luật theo định hướng ứng dụng có thể tham gia thực hiện công việc chuyên môn ở các vị trí:

- Các chức danh tư pháp (luật sư, thẩm phán, kiểm sát viên, công chức viên, chấp hành viên, thừa phát lại...);
- Hành nghề tư vấn pháp luật;
- Công tác pháp luật tại các cơ quan nhà nước như Quốc hội, Chính phủ, Hội đồng nhân dân các cấp, Ủy ban nhân dân các cấp;
- Công tác pháp chế tại các Bộ, ngành;
- Luật sư nội bộ, cố vấn pháp lý, chuyên viên pháp lý tại các doanh nghiệp; tổ chức chính trị, chính trị - xã hội; tổ chức xã hội, xã hội – nghề nghiệp.

### 1.2.5. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Học viên ngành Luật kinh tế sau khi tốt nghiệp có đủ năng lực học tập nâng cao trình độ chuyên môn để:

- Tham gia các khóa học, bồi dưỡng ngắn hạn về ngành Luật kinh tế trong và ngoài nước.

- Học bằng thạc sĩ thứ 2 của các chuyên ngành liên quan.

- Học lên trình độ tiến sĩ.

## 2. Chuẩn đầu ra (Program learning outcomes)

| Chuẩn đầu ra | Giải thích                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Nhóm CĐR  |
|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| PLO1         | Kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến, nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu thuộc chuyên ngành Luật kinh tế như: các nguyên lý cơ bản và học thuyết về Triết học, phương pháp nghiên cứu luật học, nguyên tắc cốt lõi của pháp luật kinh tế, triết lý kinh doanh, quyền tự do kinh doanh....                                                                                                                                           | Kiến thức |
| PLO2         | Kiến thức liên ngành có liên quan như luật dân sự, luật hành chính, luật hình sự, luật thương mại quốc tế...;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |           |
| PLO3         | Kiến thức chung về quản trị và quản lý trong các doanh nghiệp. Nắm vững kiến thức để phân tích các sự kiện pháp lý để xây dựng các qui trình vận hành mang tính pháp lý trong những hoạt động kinh doanh của một doanh nghiệp như: Kiến thức về thủ tục thành lập, góp vốn, sáp nhập, chia, tách, hợp nhất doanh nghiệp; Quản lý và điều hành các hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã; hành vi hạn chế cạnh tranh; giải thể và phá sản doanh nghiệp. |           |
| PLO4         | Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin về lĩnh vực pháp luật kinh tế để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học như soạn thảo các hợp đồng, giao dịch, tư vấn pháp luật liên quan đến lĩnh vực kinh tế                                                                                                                                                                                                                                                | Kỹ năng   |
| PLO5         | Kỹ năng truyền đạt tri thức về khoa học pháp lý trong lĩnh vực pháp luật kinh tế dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với người cùng ngành và với những người khác. Khả năng phát triển ý tưởng nhóm, soạn thảo văn bản, đàm phán, ký kết các hợp đồng, thỏa thuận mang tính ràng buộc pháp lý, áp dụng pháp luật trong xét xử, phán quyết Trọng tài và hỗ trợ pháp lý cho cộng đồng                                                                      |           |

|       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                           |
|-------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|
| PLO6  | Kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến, nhất là kỹ năng phân tích, lập luận, bình luận, lựa chọn các giải pháp đối với vấn đề pháp lý phát sinh; Tham gia phân tích pháp lý, có phê phán, đưa ra quyết định lựa chọn hợp lý trong các giải pháp, suy nghĩ sáng tạo để giải quyết các vấn đề pháp lý, làm việc độc lập, có năng lực khái quát hóa các hành vi ứng xử pháp luật thích hợp.                                         |                           |
| PLO7  | Kỹ năng nghiên cứu phát triển và sử dụng các công nghệ một cách sáng tạo trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp, áp dụng công nghệ 4.0 để giải quyết những vấn đề đặt ra trong thương mại điện tử trong nước và quốc tế: như giao dịch pháp lý trong các Sàn giao dịch thương mại điện tử, chứng khoán, sàn bất động sản, ứng dụng thương mại điện tử trên các thiết bị di động...                                                                                |                           |
| PLO8  | Có năng lực ngoại ngữ bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam. Kỹ năng sử dụng tiếng Anh hiệu quả trong việc tìm kiếm tài liệu bằng tiếng Anh trên mạng, có thể đọc và hiểu được các ý chính của một tài liệu tham khảo (văn bản luật, các bài báo, bài luận, hợp đồng viết bằng tiếng Anh), sử dụng tiếng Anh để diễn đạt một số tình huống pháp luật thông thường, có thể viết bài báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến pháp luật. |                           |
| PLO9  | Nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng để xây dựng, sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật trong lĩnh vực kinh tế.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                           |
| PLO10 | Khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường nghề nghiệp thay đổi, cập nhật kiến thức pháp lý mới về kinh tế và khả năng học tập suốt đời                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Mức tự chủ và trách nhiệm |
| PLO11 | Khả năng đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực pháp luật kinh tế;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                           |
| PLO12 | Khả năng quản lý, đánh giá và cải tiến để nâng cao hiệu quả nghiên cứu về pháp luật kinh tế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                           |

### 3. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng khối lượng kiến thức tích lũy cho toàn khóa tối thiểu là 60 tín chỉ, không bao gồm các chứng chỉ ngoại ngữ.

### 4. Đối tượng tuyển sinh

Công dân đã có bằng tốt nghiệp đại học ngành Luật kinh tế hoặc tương đương theo

quy định tại Quy chế tuyển sinh sau đại học hệ chính quy hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## **5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**

### **5.1. Quy trình đào tạo**

Chương trình thực hiện theo Thông tư 23/2021/TT - BGDDT ngày 30/8/2021 của Bộ GDĐT ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ.

### **5.2. Điều kiện tốt nghiệp**

Điều kiện tốt nghiệp theo Khoản 1, Điều 12, Thông tư 23/2021/TT - BGDDT ngày 30/8/2021 của Bộ GDĐT ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ:

a) Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo và bảo vệ đề án đạt yêu cầu;

b) Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài;

c) Hoàn thành các trách nhiệm theo quy định của cơ sở đào tạo; không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.

## **6. Cách thức đánh giá**

Chương trình sử dụng thang điểm 10, quy đổi tương đương sang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy định của Trường.

## **7. Nội dung chương trình**

| <b>Thứ tự</b>        | <b>Tên môn học</b>                             | <b>Số tín chỉ</b> |
|----------------------|------------------------------------------------|-------------------|
| <b>I</b>             | <b>Kiến thức đại cương</b>                     | <b>6</b>          |
| 1                    | Triết học                                      | 4                 |
| 2                    | Phương pháp nghiên cứu khoa học luật           | 2                 |
| <b>II</b>            | <b>Kiến thức chuyên ngành</b>                  |                   |
| <b>II.1 Bắt buộc</b> |                                                | <b>32</b>         |
| 1                    | Sáp nhập, mua bán doanh nghiệp                 | 2                 |
| 2                    | Pháp luật về hợp đồng trong kinh doanh         | 2                 |
| 3                    | Luật Thương mại quốc tế                        | 2                 |
| 4                    | Luật Dân sự                                    | 2                 |
| 5                    | Pháp luật giải quyết tranh chấp bằng trọng tài | 2                 |

|                                                                          |                                                                                                                  |           |
|--------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 6                                                                        | Áp dụng pháp luật về lao động và an sinh xã hội trong hoạt động kinh doanh                                       | 2         |
| 7                                                                        | Tội phạm kinh tế                                                                                                 | 2         |
| 8                                                                        | Kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng trong kinh doanh                                                            | 2         |
| 9                                                                        | Luật Cạnh tranh                                                                                                  | 2         |
| 10                                                                       | Pháp luật về nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp                                                                      | 2         |
| 11                                                                       | Pháp luật về dịch vụ ngân hàng                                                                                   | 2         |
| 12                                                                       | Luật WTO                                                                                                         | 2         |
| 13                                                                       | Pháp luật về Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng                                                                    | 2         |
| 14                                                                       | Pháp luật về quản trị nội bộ doanh nghiệp                                                                        | 2         |
| 15                                                                       | Áp dụng pháp luật môi trường trong hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh và hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu       | 2         |
| 16                                                                       | Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán                                                               | 2         |
| <b>II.2 Tự chọn (chọn 8 tín chỉ trong 14 tín chỉ các học phần sau) :</b> |                                                                                                                  | <b>8</b>  |
| 1                                                                        | Áp dụng pháp luật giải quyết tranh chấp đất đai và xử lý bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất | 2         |
| 2                                                                        | Pháp luật về sở hữu trí tuệ                                                                                      | 2         |
| 3                                                                        | Luật Thương mại quốc tế nâng cao                                                                                 | 2         |
| 4                                                                        | Luật phá sản                                                                                                     | 2         |
| 5                                                                        | Pháp luật về Thương mại điện tử                                                                                  | 2         |
| 6                                                                        | Pháp luật về kinh doanh bất động sản                                                                             | 2         |
| 7                                                                        | Luật Đấu thầu, Đấu giá                                                                                           | 2         |
| <b>III.</b>                                                              | <b>Thực tập và đề án tốt nghiệp</b>                                                                              | <b>14</b> |
| 1                                                                        | Thực tập tốt nghiệp                                                                                              | 7         |
| 2                                                                        | Đề án tốt nghiệp                                                                                                 | 7         |
| <b>Tổng số tín chỉ</b>                                                   |                                                                                                                  | <b>60</b> |

### 8. Kế hoạch giảng dạy

Chứng chỉ Tiếng Anh, học viên không được bố trí ở kế hoạch.

| TT       | Tên môn học | Mã Môn học | Số tín chỉ |    |    | Ghi chú |
|----------|-------------|------------|------------|----|----|---------|
|          |             |            | TC         | LT | TH |         |
| HỌC KỲ 1 |             |            | 20         |    |    |         |
| 1        | Triết học   |            | 4          | 4  |    |         |

|                 |                                                                                                                  |  |           |   |  |  |
|-----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|-----------|---|--|--|
| 2               | Phương pháp nghiên cứu khoa học luật                                                                             |  | 2         | 2 |  |  |
| 3               | Pháp luật về hợp đồng trong kinh doanh                                                                           |  | 2         | 2 |  |  |
| 4               | Luật Thương mại quốc tế                                                                                          |  | 2         | 2 |  |  |
| 5               | Luật Dân sự                                                                                                      |  | 2         | 2 |  |  |
| 6               | Pháp luật giải quyết tranh chấp bằng trọng tài                                                                   |  | 2         | 2 |  |  |
| 7               | Áp dụng pháp luật về lao động và an sinh xã hội trong hoạt động kinh doanh                                       |  | 2         | 2 |  |  |
| 8               | Áp dụng pháp luật giải quyết tranh chấp đất đai và xử lý bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất |  | 2         | 2 |  |  |
| 9               | Luật Thương mại quốc tế nâng cao                                                                                 |  | 2         | 2 |  |  |
| <b>HỌC KỲ 2</b> |                                                                                                                  |  | <b>26</b> |   |  |  |
| 1               | Sáp nhập, mua bán doanh nghiệp                                                                                   |  | 2         | 2 |  |  |
| 2               | Tội phạm kinh tế                                                                                                 |  | 2         | 2 |  |  |
| 3               | Kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng trong kinh doanh                                                            |  | 2         | 2 |  |  |
| 4               | Luật Cạnh tranh                                                                                                  |  | 2         | 2 |  |  |
| 5               | Pháp luật về nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp                                                                      |  | 2         | 2 |  |  |
| 6               | Pháp luật về dịch vụ ngân hàng                                                                                   |  | 2         | 2 |  |  |
| 7               | Luật WTO                                                                                                         |  | 2         | 2 |  |  |
| 8               | Pháp luật về Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng                                                                    |  | 2         | 2 |  |  |
| 9               | Pháp luật về quản trị nội bộ doanh nghiệp                                                                        |  | 2         | 2 |  |  |
| 10              | Áp dụng pháp luật môi trường trong hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh và hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu       |  | 2         | 2 |  |  |
| 11              | Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng                                                                     |  | 2         | 2 |  |  |

|                  |                        |  |           |   |   |  |
|------------------|------------------------|--|-----------|---|---|--|
|                  | khoán                  |  |           |   |   |  |
| 12               | Luật phá sản           |  | 2         | 2 |   |  |
| 13               | Luật Đấu thầu, Đấu giá |  | 2         | 2 |   |  |
| <b>HỌC KỲ 3</b>  |                        |  |           |   |   |  |
| 1                | Thực tập               |  | 7         | 0 | 7 |  |
| 2                | Đề án tốt nghiệp       |  | 7         | 0 | 7 |  |
| <b>Tổng cộng</b> |                        |  | <b>60</b> |   |   |  |

## **9. Hướng dẫn thực hiện chương trình**

### **9.1. Xây dựng đề cương chi tiết các môn học:**

Trên cơ sở chương trình đào tạo, giảng viên biên soạn đề cương chi tiết theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường với một số điểm cần lưu ý:

- Việc triển khai chi tiết các môn học phải đảm bảo tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mảng kiến thức, cần quy định các môn học tiên quyết của môn học kế tiếp trong chương trình đào tạo.

- Về nội dung: Trừ phần kiến thức tự chọn, các môn học còn lại là bắt buộc thực hiện. Nội dung trong đề cương là những nội dung cốt lõi của môn học. Có thể bổ sung thêm nội dung hay thời lượng cho một môn học nào đó, phần thời lượng thêm vào được lấy từ thời lượng môn học tự học của khối kiến thức tương ứng.

- Phần kiến thức tự chọn: Sinh viên lựa chọn các môn học trên cơ sở số tín chỉ tích lũy quy định cho nhóm môn học tự chọn để đảm bảo tích lũy đủ số tín chỉ. Phần kiến thức tự chọn, hàng năm có thể thay đổi, bổ sung để đáp ứng yêu cầu cập nhật và hội nhập.

- Ngoài ra chương trình có môn học thực tập nhằm giúp cho sinh viên làm quen với thực tế doanh nghiệp từ năm thứ 2, sẽ triển khai vào học kỳ 3 của khóa học, học viên đến thực tập tại doanh nghiệp.

- Về yêu cầu thực hiện số lượng bài tập (nếu có) của các môn học do giảng viên quy định nhằm giúp sinh viên nắm vững kiến thức lý thuyết, rèn luyện kỹ năng cần thiết.

- Tất cả các môn học đều phải có giáo trình, tập bài giảng, tài liệu tham khảo, tài liệu hướng dẫn... đã in sẵn cung cấp cho sinh viên. Tùy theo nội dung các môn học, giảng viên xác định phương pháp giảng dạy cho phù hợp.

### **9.2. Định hướng phương pháp dạy học**

- Chương trình được biên soạn theo hướng đổi mới các phương pháp dạy và học đại học: giảm số giờ lý thuyết, dành nhiều thời gian cho học viên tự học tập, nghiên cứu, đọc tài liệu, thảo luận, làm các bài tập và thực tập.



[illegible]

|                                                 |            |                                                                            |   |   |   |   |   |  |   |  |   |  |   |   |
|-------------------------------------------------|------------|----------------------------------------------------------------------------|---|---|---|---|---|--|---|--|---|--|---|---|
| 1                                               | MEL2214001 | Triết học                                                                  | R |   |   |   |   |  |   |  |   |  |   |   |
| 2                                               | MEL2212002 | Phương pháp nghiên cứu khoa học luật                                       |   |   | M | M |   |  |   |  | M |  | M |   |
| <b>II. Kiến thức chuyên ngành</b>               |            |                                                                            |   |   |   |   |   |  |   |  |   |  |   |   |
| <b>II.1 Các kiến thức chuyên ngành bắt buộc</b> |            |                                                                            |   |   |   |   |   |  |   |  |   |  |   |   |
| 1                                               | MEL2212010 | Sáp nhập, mua bán doanh nghiệp                                             |   |   | M | M |   |  |   |  | M |  | M |   |
| 2                                               | MEL2212003 | Pháp luật về hợp đồng trong kinh doanh                                     | M |   |   |   |   |  |   |  | M |  |   |   |
| 3                                               | MEL2212004 | Luật Thương mại quốc tế                                                    |   | M | M | M | M |  |   |  | M |  | M | M |
| 4                                               | MEL2212005 | Luật Dân sự                                                                |   | M | M | M | M |  | M |  | M |  | M | M |
| 5                                               | MEL2212006 | Pháp luật giải quyết tranh chấp bằng trọng tài                             |   |   | M | M | M |  |   |  | M |  |   |   |
| 6                                               | MEL2212007 | Áp dụng pháp luật về lao động và an sinh xã hội trong hoạt động kinh doanh |   | M |   | M | M |  |   |  | M |  | M | M |
| 7                                               | MEL2212011 | Tội phạm kinh tế                                                           |   | M | M | M | M |  |   |  | M |  | M |   |
| 8                                               | MEL2212012 | Kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng trong kinh doanh                      | M |   |   |   |   |  |   |  | M |  |   |   |

|                                                                         |            |                                                                                                                  |  |   |   |   |   |  |   |  |   |  |   |   |
|-------------------------------------------------------------------------|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|---|---|---|---|--|---|--|---|--|---|---|
| 9                                                                       | MEL2212013 | Luật Cạnh tranh                                                                                                  |  |   | M | M | M |  |   |  | M |  |   |   |
| 10                                                                      | MEL2212014 | Pháp luật về nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp                                                                      |  |   | M | M |   |  |   |  | M |  | M |   |
| 11                                                                      | MEL2212015 | Pháp luật về dịch vụ ngân hàng                                                                                   |  |   | M | M | M |  |   |  | M |  |   |   |
| 12                                                                      | MEL2212016 | Luật WTO                                                                                                         |  | M | M | M | M |  |   |  | M |  | M | M |
| 13                                                                      | MEL2212017 | Pháp luật về Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng                                                                    |  |   | M | M | M |  |   |  | M |  |   |   |
| 14                                                                      | MEL2212018 | Pháp luật về quản trị nội bộ doanh nghiệp                                                                        |  | M | M | M | M |  | M |  | M |  | M | M |
| 15                                                                      | MEL2212019 | Áp dụng pháp luật môi trường trong hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh và hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu       |  | M |   | M | M |  |   |  | M |  | M | M |
| 16                                                                      | MEL2212020 | Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán                                                               |  |   | M | M |   |  |   |  | M |  | M |   |
| <b>II.2 Các kiến thức chuyên ngành tự chọn (Chọn 8TC trong số 14TC)</b> |            |                                                                                                                  |  |   |   |   |   |  |   |  |   |  |   |   |
| 1                                                                       | MEL2212008 | Áp dụng pháp luật giải quyết tranh chấp đất đai và xử lý bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất |  |   | M | M | M |  |   |  | M |  |   |   |

|                                          |            |                                      |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|------------------------------------------|------------|--------------------------------------|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 2                                        | MEL2212025 | Pháp luật về sở hữu trí tuệ          |   | M |   | M | M |   |   |   | M |   | M | M |
| 3                                        | MEL2212009 | Luật Thương mại quốc tế nâng cao     |   | M | M | M | M |   |   |   | M |   | M | M |
| 4                                        | MEL2212021 | Luật phá sản                         |   |   | M | M | M |   |   |   | M |   |   |   |
| 5                                        | MEL2212026 | Pháp luật về Thương mại điện tử      |   |   | M | M |   |   |   |   | M |   | M |   |
| 6                                        | MEL2212027 | Pháp luật về kinh doanh bất động sản |   | M |   | M | M |   |   |   | M |   | M | M |
| 7                                        | MEL2212022 | Luật Đấu thầu, Đấu giá               |   |   | M | M |   |   |   |   | M |   | M |   |
| <b>II.3 Thực tập và đề án tốt nghiệp</b> |            |                                      |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 1                                        | MEL2217023 | Thực tập                             | M | M | M | M | M | M | M | R | M | M | M | M |
| 2                                        | MEL2217024 | Đề án tốt nghiệp                     |   |   |   |   | M | M |   |   | M | M | M | M |

## 12. Ma trận đối sánh CĐR CTĐT theo khung trình độ quốc gia bậc Thạc sĩ

| CĐR<br>theo<br>khung<br>trình<br>độ<br>QG<br>CĐR<br>CTĐT | Kiến thức |     |     | Kỹ năng |     |     |     |     | Mức tự chủ và trách nhiệm |           |           |           |
|----------------------------------------------------------|-----------|-----|-----|---------|-----|-----|-----|-----|---------------------------|-----------|-----------|-----------|
|                                                          | KT1       | KT2 | KT3 | KN1     | KN2 | KN3 | KN4 | KN5 | TC<br>TN1                 | TC<br>TN2 | TC<br>TN3 | TC<br>TN4 |
|                                                          | PLO1      |     | X   |         |     |     |     |     |                           |           |           |           |
|                                                          | PLO2      | X   |     |         |     |     |     |     |                           |           |           |           |
|                                                          | PLO3      | X   |     |         |     |     |     |     |                           |           |           |           |
|                                                          | PLO4      | X   |     |         |     |     |     |     |                           |           |           |           |
|                                                          | PLO5      |     |     | X       |     |     |     |     |                           |           |           |           |
|                                                          | PLO6      |     |     |         | X   | X   |     |     |                           |           |           |           |
|                                                          | PLO7      |     |     | X       |     |     | X   |     |                           |           |           |           |
|                                                          | PLO8      |     |     |         |     |     |     | X   |                           |           |           |           |
|                                                          | PLO9      |     |     |         |     |     |     |     |                           | X         |           |           |
|                                                          | PLO10     |     |     |         |     |     |     |     | X                         | X         |           |           |
|                                                          | PLO11     |     |     |         |     |     |     |     |                           |           | X         | X         |
|                                                          | PLO12     |     |     |         |     |     |     |     |                           |           |           | X         |

## 13. Đề cương chi tiết môn học (file đính kèm)